UBND TỈNH CÀ MAU
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7159/SGDĐT-VP
V/v triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027

*Cà Mau, ngày 17 tháng 9 năm 2026*

Kính gửi:
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Thủ trưởng các đơn vị, trường học trực thuộc Sở GD&ĐT.

Thực hiện Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026 - 2027, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) yêu cầu các đơn vị, trường học triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

**I. NHIỆM VỤ CHUNG**

**1.** Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của năm học 2026-2027, gắn với đổi mới phương thức quản lý, quản trị nhà trường, dạy học, kiểm tra, đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục; việc triển khai phải có sản phẩm, kết quả cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị.

**2.** Tập trung chuyển đổi từ dữ liệu phân tán sang dữ liệu "*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*"; từ các phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung, kết nối, liên thông; tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và giảm yêu cầu nhập liệu, báo cáo thủ công. Thực hiện nguyên tắc "*dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần*".

**3.** Tiếp tục triển khai học bạ số, số hóa văn bằng, chứng chỉ; hoàn thiện hồ sơ số của người học, nhà giáo và các đối tượng quản lý; nâng cao chất lượng dữ liệu và khả năng kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống.

**4.** Đẩy mạnh sử dụng các nền tảng số dùng chung trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá; tăng cường phát triển và khai thác học liệu số, thư viện điện tử, thư viện số và các nguồn tài nguyên giáo dục số.

**5.** Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục theo hướng an toàn, có kiểm soát, có trách nhiệm, phù hợp với từng cấp học, đối tượng và điều kiện thực tế; không sử dụng AI thay thế trách nhiệm chuyên môn và quyết định của nhà giáo, cán bộ quản lý.

**6.** Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, sao lưu, dự phòng và xử lý sự cố đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

## II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

### 1. Phát triển, nâng cao chất lượng và khai thác dữ liệu giáo dục

a) Rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật đầy đủ dữ liệu về cơ sở giáo dục, người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các dữ liệu chuyên ngành trên các hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT; bảo đảm dữ liệu "*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*"; hoàn thành đợt rà soát, làm sạch dữ liệu theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT trước ngày 30/10/2026 và duy trì cập nhật thường xuyên trong năm học.

b) Đối với Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của tỉnh, các đơn vị, trường học thực hiện cập nhật dữ liệu trên các phần mềm quản lý đang sử dụng; bảo đảm dữ liệu được đồng bộ, đầy đủ, chính xác, kịp thời về hệ thống CSDL ngành của tỉnh theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; không tự ý tạo lập các đầu mối dữ liệu mới hoặc yêu cầu cán bộ, giáo viên, người học nhập lại những thông tin đã có trên hệ thống và có thể khai thác, sử dụng theo quy định.

c) Tiếp tục triển khai học bạ số theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT; bảo đảm dữ liệu được tạo lập từ dữ liệu gốc của cơ sở giáo dục, được kiểm tra, phê duyệt, ký số và đồng bộ theo quy định.

d) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chỉ; phối hợp thực hiện việc đồng bộ dữ liệu theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

đ) Tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ thống kê, báo cáo, quản lý, điều hành, phân tích và dự báo; từng bước tự động hóa việc tổng hợp báo cáo, giảm thao tác thủ công và giảm áp lực hành chính cho cơ sở giáo dục.

### 2. Triển khai các nền tảng số dùng chung

a) Rà soát các phần mềm, hệ thống thông tin đang sử dụng tại các đơn vị, trường học; tăng cường sử dụng các nền tảng số dùng chung, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, liên thông, tránh đầu tư và sử dụng các hệ thống trùng lặp về chức năng.

b) Phối hợp triển khai, thí điểm và sử dụng các nền tảng số dùng chung quốc gia trong giáo dục theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; trong đó có nền tảng số quốc gia quản trị giáo dục và đào tạo, gồm nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành giáo dục.

c) Rà soát điều kiện kỹ thuật, dữ liệu và phần mềm hiện có để sẵn sàng kết nối, tích hợp với các nền tảng dùng chung của Bộ GD&ĐT theo tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật được hướng dẫn.

d) Tiếp tục khai thác hiệu quả các hệ thống, nền tảng số đang được Sở triển khai phục vụ quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục.

**3. Đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số**

a) Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế; khai thác hiệu quả các hệ thống LMS trong tổ chức, quản lý và theo dõi hoạt động học tập.

b) Từng bước tổ chức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số, trên máy tính tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện; bảo đảm công bằng, an toàn, bảo mật và phù hợp với đặc điểm từng cấp học.

c) Phát triển, chuẩn hóa, khai thác và chia sẻ học liệu số, ngân hàng câu hỏi, thư viện điện tử, thư viện số; chủ động xây dựng và đóng góp học liệu phù hợp vào các kho học liệu dùng chung của ngành.

d) Khuyến khích triển khai các mô hình dạy học tiên tiến trên nền tảng số như lớp học thông minh, học tập tương tác, phòng học/lab số, mô phỏng và các giải pháp công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế.

**4. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục**

a) Lựa chọn các bài toán thiết thực để triển khai, thí điểm ứng dụng AI trong quản lý, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học.

b) Khuyến khích nhà giáo sử dụng AI để hỗ trợ chuẩn bị bài, xây dựng học liệu, thiết kế hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá; cán bộ quản lý sử dụng AI để hỗ trợ tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo và xử lý các nhiệm vụ hành chính.

c) Kết quả do AI tạo ra phải được kiểm tra, kiểm chứng trước khi sử dụng; không dùng AI để thay thế trách nhiệm chuyên môn và trách nhiệm ra quyết định của nhà giáo, cán bộ quản lý.

d) Phối hợp triển khai, thí điểm nền tảng giáo dục thông minh quốc gia ứng dụng AI theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; tổ chức đánh giá hiệu quả, mức độ an toàn và tác động trước khi xem xét triển khai rộng rãi.

đ) Các cơ sở giáo dục rà soát, xây dựng hoặc bổ sung quy định sử dụng AI phù hợp với từng đối tượng; quy định rõ trách nhiệm người sử dụng, yêu cầu về bảo vệ dữ liệu, kiểm chứng thông tin, độ tin cậy của nội dung và liêm chính học thuật.

**5. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân**

a) Rà soát hạ tầng mạng, đường truyền Internet, máy tính, thiết bị dạy học số và các điều kiện kỹ thuật phục vụ quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và khai thác các nền tảng số.

b) Chủ động khắc phục các hạn chế về hạ tầng, thiết bị, đường truyền tại các cơ sở giáo dục, nhất là các điểm trường có điều kiện khó khăn.

c) Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thường xuyên rà soát, khắc phục lỗ hổng, sao lưu và dự phòng dữ liệu, xây dựng phương án ứng phó và xử lý sự cố.

d) Quản lý chặt chẽ tài khoản, phân quyền truy cập, nhật ký hệ thống; kiểm soát việc khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu; không cung cấp, chia sẻ dữ liệu cá nhân trái quy định.

**6. Phát triển năng lực số và năng lực AI**

a) Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học; ưu tiên kỹ năng gắn với thực tế công việc và hoạt động giáo dục.

b) Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng khai thác CSDL, nền tảng số dùng chung, học liệu số, dạy học trên môi trường số, an toàn thông tin và ứng dụng AI.

c) Khuyến khích các đơn vị tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ mô hình, sáng kiến, sản phẩm ứng dụng công nghệ số và AI có hiệu quả trong thực tế.

**7. Đẩy mạnh dịch vụ giáo dục trên môi trường số**

a) Tiếp tục triển khai các dịch vụ giáo dục trực tuyến theo phân cấp, ưu tiên các dịch vụ tuyển sinh đầu cấp, thủ tục liên quan đến văn bằng, chứng chỉ và các dịch vụ có nhu cầu thực tế cao.

b) Tiếp tục thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; 100% các cơ sở giáo dục khai thác hiệu quả hệ thống quản lý thanh toán không dùng tiền mặt của ngành; 100% các khoản thu theo quy định phải được thực hiện qua hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Tăng cường số hóa hồ sơ, sổ sách; giảm hồ sơ giấy và không cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

**8. Đánh giá mức độ chuyển đổi số**

Tiếp tục thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT, Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT và hướng dẫn của Sở GD&ĐT; gắn kết quả đánh giá với việc xác định nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chất lượng chuyển đổi số của từng đơn vị.

**9. Triển khai dạy học STEM**

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng cấp học; tăng cường tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm STEM gắn với chương trình giáo dục phổ thông và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Khuyến khích khai thác, sử dụng các học liệu số và nền tảng công nghệ hỗ trợ dạy học STEM, trong đó có nền tảng OpenSTEM tích hợp công nghệ ảo hóa thiết bị STEM, tạo điều kiện để giáo viên, học sinh mô phỏng, thực hành và làm quen với các hoạt động STEM trên môi trường số trước khi thực hành trên thiết bị

thực tế. Các cơ sở giáo dục chủ động tận dụng phòng máy tính, thiết bị hiển thị và hạ tầng công nghệ hiện có để tổ chức dạy học STEM; tăng cường chia sẻ học liệu, kinh nghiệm tổ chức dạy học và nhân rộng các mô hình STEM phù hợp, hiệu quả.

## III. GIẢI PHÁP CƠ BẢN

### 1. Kiện toàn đầu mối và trách nhiệm chuyển đổi số

Các đơn vị, trường học phân công lãnh đạo phụ trách và cán bộ, giáo viên làm đầu mối theo dõi nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và dữ liệu giáo dục; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu đối với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

Khuyến khích duy trì hoặc thành lập Tổ chuyển đổi số trường học phù hợp với điều kiện thực tế.

### 2. Tăng cường quản trị dữ liệu

Các đơn vị chủ động rà soát, hoàn thiện quy trình cập nhật, kiểm tra, phê duyệt và khai thác dữ liệu; phân công rõ trách nhiệm quản lý từng nhóm dữ liệu.

Thực hiện nguyên tắc dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần; hạn chế tối đa việc nhập liệu trùng lặp.

### 3. Tăng cường thể chế, quy chế và bảo vệ dữ liệu

Rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống CNTT, CSDL; quy định rõ trách nhiệm quản lý và khai thác dữ liệu; tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và sở hữu dữ liệu.

Các đơn vị chủ động xây dựng quy định sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, phù hợp với hoạt động giáo dục.

### 4. Bảo đảm nguồn lực

Rà soát, chủ động bố trí hoặc tham mưu đề xuất Sở GD&ĐT bố trí nguồn lực để duy trì, nâng cấp hạ tầng, thiết bị, phần mềm và đường truyền; ưu tiên sử dụng nền tảng, hạ tầng và dịch vụ dùng chung, hạn chế đầu tư riêng lẻ, phân tán.

### 5. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, hiệu quả của chuyển đổi số; nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, kỹ năng sử dụng công nghệ số và trách nhiệm khi sử dụng AI.

### 6. Kiểm tra, giám sát

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh những nội dung thực hiện còn hạn chế, chưa bảo đảm yêu cầu.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Văn phòng Sở GDĐT**

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu Giám đốc Sở GD&ĐT thực hiện công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số; thường xuyên hỗ trợ, giám sát, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị; tổ chức sơ, tổng kết và báo cáo việc triển khai công tác này khi có yêu cầu; xây dựng báo cáo đánh giá và chấm điểm tiêu chí thi đua năm học theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, quản lý, khai thác và nâng cao chất lượng dữ liệu trên các hệ thống thuộc phạm vi quản lý của Sở; phối hợp với các phòng chuyên môn kiểm tra, chuẩn hóa dữ liệu.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì, theo dõi bảo trì, đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở; hỗ trợ CNTT cho các Phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị, trường học.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CĐS trong công tác quản lý, dạy và học tại các đơn vị, trường học.

**2. Phòng Kế hoạch – Tài chính**

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí; thực hiện mua sắm các hệ thống phần mềm, hạ tầng CNTT phục vụ công tác ứng dụng CNTT và CĐS tại các cơ sở giáo dục đảm bảo thực hiện các mục tiêu của nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật.

**3. Phòng Giáo dục Mầm non – Tiểu học và Phòng Giáo dục Trung học**

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị, trường học theo cấp học triển khai học bạ số, học liệu số, nền tảng số, AI và các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với hoạt động chuyên môn.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn; dạy học; kiểm tra, đánh giá, hồ sơ sổ sách của các đơn vị, trường học theo lĩnh vực, cấp học được phân công tham mưu.

- Phòng Giáo dục Trung học tiếp tục chủ trì, tham mưu triển khai giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng cấp học; tăng cường khai thác, sử dụng các phòng học STEM, phòng học thông minh đã được đầu tư, trang bị để tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm STEM gắn với chương trình giáo dục phổ thông và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chủ trì kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa dữ liệu thuộc lĩnh vực, cấp học được phân công tham mưu.

- Phối hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo quy định.

**4. Phòng Tổ chức cán bộ**

- Chủ trì tham mưu bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT, chuyển đổi số tại các đơn vị, trường học;

- Phối hợp với các phòng chuyên môn triển khai bồi dưỡng năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo kế hoạch.

**5. Phòng Quản lý chất lượng và giáo dục nghề nghiệp**

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn về khảo thí, kiểm định chất lượng, trường đạt chuẩn quốc gia, văn bằng chứng chỉ, phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp.

**6. Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở.**

- Căn cứ nội dung Công văn này, xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm học 2026 - 2027 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

- Phân công cụ thể người phụ trách CNTT, chuyển đổi số và dữ liệu; người đứng đầu chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

- Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên các hệ thống theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ về học bạ số, học liệu số, nền tảng số, AI, dịch vụ giáo dục trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; sơ kết sau Học kỳ I; tổng kết năm học và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, mức độ ứng dụng AI theo bộ tiêu chí, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Gửi báo cáo tổng kết kết quả thực hiện về Sở GD&ĐT ***trước ngày 10/6/2027*** để tổng hợp báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định.

**7. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ nhiệm vụ được nêu tại mục I, II, III của Công văn này, tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm học 2026 - 2027 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên các hệ thống theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo các trường học thuộc thẩm quyền quản lý phân công cụ thể người phụ trách CNTT, chuyển đổi số và dữ liệu; người đứng đầu chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện; tổ chức triển khai các nhiệm vụ về học bạ số, học liệu số, nền tảng số, AI, dịch vụ giáo dục trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; chỉ đạo các trường học tổ chức sơ kết sau Học kỳ I, tổng kết năm học và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, mức độ ứng dụng AI theo bộ tiêu chí, hướng

dẫn của Bộ GD&ĐT. Gửi báo cáo tổng kết kết quả thực hiện của địa phương về Sở GD&ĐT ***trước ngày 10/6/2027*** để tổng hợp báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo, thông tin về Sở GD&ĐT (qua Văn phòng Sở, đ/c Nguyễn Hoàng Em; số điện thoại 0946431460; Email: cntt@camau.edu.vn) để được hỗ trợ giải quyết./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục KHCNTT, Bộ GDĐT (b/c);
- Sở KH&CN (p/h);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng CMNV;
- Lưu: VT, VP (HE).

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH CÀ MAU

**Tạ Thanh Vũ**

**Phụ lục**

**MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Công văn số 7159/SGDĐT-VP ngày 17/9/2026 của Sở GDĐT)*

1. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.
2. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.
3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.
4. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.
5. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
6. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.
7. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.
8. Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/06/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.
9. Nghị quyết 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi Bộ GDĐT.
10. Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.
11. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
12. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
13. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.
14. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.
15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.
16. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.
17. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.

18. Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.
19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.
20. Quyết định số 2238/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2026 về Khung Kiến trúc Chính phủ số Bộ GDĐT phiên bản 4.0.
21. Quyết định số 1866/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2026 về Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu.
22. Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2025 về chuẩn dữ liệu học bạ số.
23. Quyết định số 1009/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2026 về kết nối, khai thác học bạ số, văn bằng số.
24. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
25. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.
26. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.
27. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân.
28. Quyết định số 1829/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.
29. Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt bộ tài liệu, học liệu và công cụ kiểm tra, đánh giá thuộc Chương trình phổ cập kỹ năng số, phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập kỹ năng số trong toàn xã hội.
30. Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 30/12/2022 hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học và cơ sở giáo dục;
31. Kế hoạch số 2792/KH-SGDĐT ngày 09/9/2025 triển khai hệ thống đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) và hệ thống họp trực tuyến cho các đơn vị, trường học;
32. Công văn số 3232/SGDĐT-GDMN ngày 15/8/2025 quy định hệ thống hồ sơ sổ sách trong cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học từ năm học 2025-2026;
33. Công văn số 4298/SGDĐT-GDTrH ngày 26/9/2025 hướng dẫn thực hiện hệ thống hồ sơ, sổ sách và số hóa hồ sơ, sổ sách trong trường trung học.

---